

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2015/DS-PT
Ngày: 18/11/2015
V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Đồng Phúc Tuấn**

2. Ông **Nguyễn Duy Diệp**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Hoàng Thị Thúy Loan** - Cán bộ Tòa
án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Bà **Nông Thị Quế** - Kiểm
sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2015, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc
Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2015/TLPT- DS ngày 05
tháng 10 năm 2015, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2015 của
Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử phúc thẩm số: 02/2015/QĐPT ngày 02 tháng 11 năm 2015, giữa các
đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Vũ Duy T**; sinh năm 1930; trú tại: thôn P, xã Y, huyện
C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

* Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Duy T là:

- Ông **Vũ Duy B**; sinh năm 1967; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc
Kạn (Theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2015). Có mặt

- Bà **Ma Thị M**; sinh năm 1963; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn
(Theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2015). Có mặt

*** Các bị đơn:**

1. Ông **Hoàng Văn L (tức Hoàng Văn L)**; sinh năm 1965. Có mặt

2. Bà **Ma Thị L**; sinh năm: 1965. Có mặt

Đều trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn T – Chức vụ: Công chức ...
UBND xã Y (Theo giấy ủy quyền ngày 17/11/2015 của Chủ tịch UBND xã Y). Có mặt

2. Anh **Nông Văn H**; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

*** Những người làm chứng**

1. Ông **Nông Văn C**; sinh năm: 1942; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. Ông **Hoàng Văn V**; sinh năm: 1946; trú tại: thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3. Bà **Lường Thị T**; sinh năm: 1942; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

4. Ông **Hoàng Văn T**; sinh năm 1941; trú tại: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

*** Người kháng cáo:**

- Các bị đơn: Ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L

NHẬN THẤY:

Nội dung vụ án theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của ông Vũ Duy B, bà Ma Thị M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khu đất tranh chấp có tên gọi theo tiếng địa phương là Pù K, do gia đình ông T khai phá khoảng năm 1983- 1984. Sau khi khai phá có trồng cây cọ và cây tre nhưng không đưa vào hợp tác xã. Ngày 25/9/1986, ông Vũ Duy T được UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp sổ lâm bạ, diện tích theo sổ lâm bạ là 1ha, còn diện tích tranh chấp khoảng 3.000m². Diện tích tranh chấp có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất lâm nghiệp ông Hoàng Văn D

Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn L và khe cạn

Phía Nam giáp ruộng ông Triệu Ứng D, Triệu Ứng N, ông Hoàng Văn V

Phía Bắc là đình giồng, giáp đất lâm nghiệp của ông Hoàng Văn L

Trên đất hiện có cây rừng tự nhiên và các loại cây do gia đình trồng từ năm 1983-1984, cụ thể: Cây cọ to: có 132 cây; cây cọ bé mọc giải rác không đếm số lượng cây; cây gõ xoan rừng: có 01 cây mọc ở ranh giới giữa thửa đất tranh chấp với thửa đất lâm nghiệp của ông L; cây gõ Gió tự trồng: có 02 cây. Số cây này được gia đình ông T trồng từ trước khi được cấp sổ lâm bạ.

Năm 1993, 1998 ông Vũ Duy B (con trai ông T) đại diện gia đình kê khai khu đất trên nhưng ông L cũng đề nghị đo khu đất này, do vậy cả hai hộ đều không được đo giao, nhưng cũng không có đơn yêu cầu xã giải quyết tranh chấp.

Năm 2000, tiếp tục có đợt giao đất lâm nghiệp, nhưng do hai gia đình vẫn tranh chấp nên không tiến hành đo đạc được, ông T có đơn đề nghị xã giải quyết nhưng UBND xã không giải quyết.

Năm 2008 hai gia đình tiếp tục tranh chấp, ngày 18/9/2008 UBND xã Y tiến hành hòa giải thì gia đình ông T được quyền sử dụng khu đất do có sổ lâm bạ, nhưng ông L không đồng ý. Nay ông T khởi kiện đề nghị buộc ông L trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp khoảng 3.000m².

** Bị đơn là ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L trình bày:*

Diện tích đất tranh chấp là do ông bà, bố mẹ ông L khai phá. Khoảng năm 1976 – 1977 bố mẹ ông L có sử dụng làm nương trồng sắn, trồng cây gió, cây cọ, cây tre, cây mai và cây hóp xung quanh làm mốc giới. Lúc đó ông L còn nhỏ nhưng cũng được theo bố mẹ đi trồng cây, hiện nay vẫn còn cây trên đất. Năm 1985 ông L xây dựng gia đình được bố mẹ chia phần đất có diện tích khoảng 3.000m² là đất hiện nay đang tranh chấp với gia đình ông T để canh tác. Khu đất tranh chấp có tứ cận: Đông giáp đất đồi của Hoàng Văn T; Tây giáp đất đồi hộ ông K; Nam giáp ruộng mạ ông Triệu Ứng D, Triệu Ứng K, Triệu Ứng Ng; Bắc giáp đất ao ông T (bố ông L). Việc chia đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì.

Năm 1993 Nhà nước triển khai việc giao đất lâm nghiệp, ông L có kê khai, nhưng ông B con trai ông T cũng kê khai khu đất này nên không ai được đo giao. Năm 1998 tiến hành đo giao đất rừng lần hai và cả hai gia đình tiếp tục đề nghị đo giao khu đất này, do có tranh chấp nên cả hai gia đình đều không được đo giao. Năm 2008 việc tranh chấp đã được UBND xã Y hòa giải nhưng không thành, ông tiếp tục có đơn đến UBND huyện C yêu cầu giải quyết nhưng UBND huyện không có văn bản trả lời.

Theo ông L thì gia đình ông L có trồng 03 bụi cây mai, 01 bụi tre trồng giáp đất ông Triệu Hữu K; 01 bụi tre và 01 bụi hóp trồng làm ranh giới giữa lô đất của gia đình ông L với lô đất tranh chấp; số cây cọ không đếm cụ thể; cuối năm 2009 – 2010 gia đình ông trồng khoảng 500 – 600 cây mỡ, hiện nay còn bao nhiêu cây mọc được ông không biết. Quá trình gia đình ông L trồng cây cọ, cây mỡ và khai

thác cây trên đất không thấy ai thác mắc, ngăn cản. Nay ông L, bà L có ý kiến như sau:

1. Ông T khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đang tranh chấp thì ông L, bà L không đồng ý vì đất ông L, bà L đã canh tác, chăm sóc ổn định nhiều năm nay
2. Đề nghị hủy sổ lâm bạ cấp cho ông Vũ Duy T năm 1986, vì sổ lâm bạ gia đình ông T chỉ cầm về tự điền diện tích vào.
3. Đề nghị gia đình ông T không được tranh chấp, cản trở ông L quản lý, sử dụng đất để gia đình ông kê khai xin cấp quyền sử dụng lâu dài.

** Đại diện UBND xã Y trình bày:*

Năm 1986 hợp tác xã T thuộc xã Y, huyện C còn hoạt động, gia đình ông T và ông L đều là xã viên Hợp tác xã T. Từ năm 1993 Nhà nước có chủ trương giao đất lâm nghiệp, khi đo giao thì hai hộ có tranh chấp nên từ năm 1993 đến năm 2000 diện tích đất tranh chấp chưa được Nhà nước giao hay cấp sổ cho hộ gia đình nào sử dụng. Việc đo, giao từng thời điểm không thực hiện được nhưng không thấy các hộ có đơn đề nghị UBND xã giải quyết. Năm 2008 hai hộ tiếp tục tranh chấp và có đơn đề nghị UBND xã giải quyết. Quá trình giải quyết, ông B con trai ông T xuất trình sổ lâm bạ mang tên ông Vũ Duy T. Qua xem xét, nội dung trong sổ lâm bạ không ghi đầy đủ thông tin nên UBND xã đã xác minh, qua xác minh xác định chữ kí trong Biên bản giao đất làm vườn rừng của hộ ông Vũ Duy T có chữ ký của ông Ma Ngọc V – nguyên cán bộ lâm nghiệp xã Y, chữ kí của ông Nông Văn C – nguyên chủ nhiệm hợp tác xã T thời điểm năm 1986. Sổ lâm bạ của hộ ông T mặc dù không ghi đầy đủ nội dung, nhưng UBND xã Y khẳng định việc cấp sổ lâm bạ cho hộ ông T đối với khu đất rừng Pù K là đúng thực tế, vì vậy khi hòa giải tại xã, UBND xã xác định ông T được quyền sử dụng khu đất Pù K là đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 26/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn căn cứ các điều 32a Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011; Điều 688 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Duy T đối với bị đơn là ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Tạm giao cho ông Vũ Duy T được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích đất 3.000m² tại địa danh Pù K, thuộc thửa đất lâm nghiệp số 1097, diện tích 13.432m², tờ Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2004 của xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Diện tích cụ thể có sơ đồ xác minh đo đạc ngày 25/12/2014)

Sau khi án có hiệu lực ông Vũ Duy T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L về việc đề nghị hủy một phần sổ lâm bạ số 01, cấp ngày 25/9/1986 của hộ ông Vũ Duy T. Hủy một phần sổ lâm bạ số 01, cấp ngày 25/9/1986 của UBND xã Y cấp cho hộ ông Vũ Duy

T đối với phần diện tích đất tranh chấp 3.000m²

3. Án phí: Ông Vũ Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí; ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2015 các bị đơn Hoàng Văn L, Ma Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị hủy sổ lâm bạ của ông T lập ngày 25/9/1986, công nhận 3.000m² đang tranh chấp và tài sản trên đất cho gia đình ông L. Ngày 17/9/2015 kháng cáo bổ sung, nhưng có nội dung như kháng cáo ngày 09/9/2015.

XÉT THẤY:

* Về tố tụng:

Xem xét về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Bản án số 05/2015/DSST ngày 26/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện C xác định nguyên đơn là ông Vũ Duy T; sinh năm 1930; trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; bị đơn là Hoàng Văn L và vợ Ma Thị L; cùng trú tại: thôn P, xã Y. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xác định được đơn khởi kiện tại phần người khởi kiện kí tên không phải do ông T ký mà do bà Ma Thị M là con dâu ông T viết đơn khởi kiện và kí tên tại phần người khởi kiện. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2015 ông T khẳng định không được biết đơn khởi kiện, nếu khởi kiện thì ông khởi kiện hai người là ông Hoàng Văn L và ông Hoàng Văn T. Ông T cũng không được kí giấy ủy quyền cho anh Vũ Duy B và chị Ma Thị M tham gia tố tụng. Chị Ma Thị M là người trực tiếp viết đơn khởi kiện, giấy ủy quyền và kí tên ông T mà ông T không biết. Ông T cũng không được thông báo nộp tạm ứng án phí.

Khoản 2, Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định: “Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức do bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm hại”. Theo khoản 1 Điều 164 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 thì cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện phải làm đơn khởi kiện và phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 trừ trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tạm ứng án phí theo quy định và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP, ngày 03 tháng 12 năm 2012 thì nguyên đơn phải kí vào đơn khởi kiện.

Như vậy, ông T không có đơn khởi kiện, không nộp tạm ứng án phí, không ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, không phải là người bị mất năng lực hành vi tố tụng dân sự nhưng Bản án sơ thẩm xác định ông Vũ Duy T là nguyên đơn của vụ án là không đúng với các quy định của luật tố tụng dân sự nêu trên, vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố

tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Ngày 16/11/2015 ông T có đơn nêu “*việc viết đơn do các con viết và kí tên ông, nội dung đơn đã được thống nhất ba bố con*”. Tuy nhiên, nếu xác định ông Vũ Duy T là nguyên đơn của vụ án thì ông T chưa có đơn yêu cầu được hòa giải tại UBND xã Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Hoàng Văn L. Như vậy, là vi phạm Điều 202, 203 của Luật Đất đai năm 2014, thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện phải trả lại đơn theo điểm d khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Vụ án được thông báo thụ lý số 17 ngày 01/10/2014 của TAND huyện C, trong đó xác định nguyên đơn là ông Vũ Duy B. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm xác định giải quyết vụ án thụ lý số 02 ngày 01/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, nguyên đơn là ông Vũ Duy T là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Theo sổ lâm bạ xác định cấp cho hộ ông Vũ Duy T 01 ha đất lâm nghiệp, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ những người có trong hộ ông T khi được cấp sổ lâm bạ gồm những ai để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 56 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Bà Ma Thị L là vợ ông Hoàng Văn L không bị kiện nhưng bản án sơ thẩm xác định bà L là bị đơn là không đúng khoản 3 Điều 56 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011. Nếu bà L cũng đang quản lý, sử dụng, trồng cây trên đất đang có tranh chấp thì xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng quy định tại khoản 4 Điều 56 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Tại cấp phúc thẩm anh Nông Văn H là con rể ông L, bà L, có cùng hộ khẩu với hộ ông L và xác định năm 2009 được trồng cây mỡ trên đất tranh chấp, xin được tham gia tố tụng, được Tòa án chấp nhận đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 56 và khoản 1 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Theo đơn khởi kiện kí tên ông T và quá trình tham gia tố tụng phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với ông L là quyền sử dụng khoảng 3.000m² đất lâm nghiệp, không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản trên đất là cây cọ, tre, mai..., phía bị đơn cũng không yêu cầu tòa án giải quyết cụ thể cây trên đất, không nộp tạm ứng án phí mặc dù cả hai bên đều xác định cây do mình trồng. Án sơ thẩm tạm giao ông Vũ Duy T được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

* Về nội dung vụ án:

Theo ông B và bà M xác định diện tích khoảng 3.000m² đất tranh chấp với

ông L có tứ cận như sau:

- Tại cấp sơ thẩm xác định: phía Đông giáp đất lâm nghiệp ông Hoàng Văn D; phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn L và khe cạn; phía Nam giáp ruộng ông Triệu Ứng D, Triệu Ứng N, Hoàng Văn V; phía Bắc là đỉnh giồng, giáp đất ông Hoàng Văn L.
- Tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Đỉnh giồng giáp ai không biết; chân đồi giáp đất ruộng ông N, ông D, ông K; phía Đông giáp Hoàng Văn D; phía Tây giáp đất ông K.

Bị đơn, ông Hoàng Văn L xác định ông quản lý, sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp có tứ cận: phía Bắc giáp đất đồi cọ của gia đình ông L; phía Nam giáp ruộng ông D, ông Kh và ông N; phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn T đang quản lý, sử dụng; phía Tây giáp đất ông K.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện C, kèm theo sơ đồ thửa đất tranh chấp không xác định tứ cận giáp đất ai đang sử dụng, chỉ lấy các gốc cây làm mốc

Theo Biên bản xác minh ngày 23/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, UBND xã Y cung cấp: Theo mô tả diện tích đất 1ha ghi trong sổ lâm bạ mang tên hộ ông Vũ Duy T đối chiếu với bản đồ địa chính xã Y, tờ bản đồ số 1 thì nằm một phần tại thửa 1098 là 0,3ha do ông Hoàng Văn D đang quản lý, sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp giáp với phần đất ông D đang quản lý về phía Tây là khoảng 0,3ha hiện nay ông Hoàng Văn T đang quản lý (thuộc một phần thửa số 1097). Tiếp giáp với phần đất ông T đang quản lý về hướng Tây là khoảng 0,3ha hiện nay đang có tranh chấp giữa ông Hoàng Văn L và hộ ông Vũ Duy T (thuộc một phần thửa số 1097).

Như vậy, nếu theo xác định của ông B, bà M thì diện tích đất tranh chấp bao gồm cả phần đất ông Hoàng Văn T đang quản lý, sử dụng. Nhưng ông B, bà M không khởi kiện ông Hoàng Văn T. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Vũ Duy T ngày 23/10/2015 của TAND tỉnh Bắc Kạn thì ông muốn khởi kiện cả ông Hoàng Văn T và ông L.

Từ các căn cứ và phân tích ở trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vị trí, diện tích và tứ cận của đất tranh chấp, chưa xác định được chính xác yêu cầu của người khởi kiện. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L về việc xác định chính xác vị trí đất tranh chấp, làm rõ nguồn gốc, quá trình canh tác sử dụng đất là cần thiết, nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: xác định Bản án sơ thẩm hủy một phần sổ lâm bạ cấp cho hộ

gia đình ông Vũ Duy T là đúng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nhưng sửa án sơ thẩm về tứ cận diện tích đất tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích ở trên thì không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát mà cần phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 275, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí: Căn cứ 131 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Ông Hoàng Văn L và bà Ma Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Được trả lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo Biên lai thu số 05666 ngày 17/9/2015.

Ông Vũ Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Ông Vũ Duy B được trả lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 05588 ngày 01/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện C (1b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2b);
- THADS huyện C;
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa

